

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2019/HS - ST

Ngày: 12/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thanh Phong.

2. Bà: Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông Phan Xuân Tạo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2019/HSST ngày 24/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 25/12/1986; Tại tỉnh H; Nơi ở trước khi phạm tội: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trọng H, sinh năm 1937; Con bà: Dương Thị N, sinh năm 1953. Chồng: Nguyễn M, sinh 1982. Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh 2013, con nhỏ nhất sinh 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/4/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

+ Người bào chữa cho bị cáo:

1/ Ông Đặng Ngọc H - Luật sư Văn phòng luật sư T - Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số 59 T, phường T, TP. B, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

2/ Ông Đồng Văn N - Luật sư thuộc Chi nhánh Văn phòng luật sư T tại C, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số 195 H, TT Q, huyện C, tỉnh Đ. (Có mặt).

+ Người bị hại: Bà Phan Thị Thùy L.

Địa chỉ: Thôn Xuân L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

+ Người làm chứng:

1/ Bà Nguyễn Thị N. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

2/ Bà Nguyễn Thị Hương G. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

3/ Bà Bạch Thị H. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
4/ Bà Nguyễn Thị N. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
5/ Bà Nguyễn Thị B. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
6/ Bà Trần Thị P. (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
7/ Bà Lê Thị A. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
8/ Bà Đỗ Thị Q. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
9/ Bà Phạm Thị V. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.
10/ Bà Lê Thị V. (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 26/8/2018 bà Phan Thị Thùy L, trú tại xã P, huyện K, tỉnh Đ đem nắm và một số loại rau củ đến chợ xã E, huyện K để bán. Lúc này Nguyễn Thị N là tiểu thương bán hàng trong chợ xã E và một số người khác đến không cho bà L bán, cầm rau, quả, nắm của bà L vứt ra xung quanh rồi bỏ đi nên bà L đi vào sạp bán hàng của N cách chỗ bà L bị đổ rau, nắm khoảng 20 mét gặp N để hỏi lý do tại sao vứt rau, nắm của mình thì bị N đuổi đánh nên bà L bỏ chạy được khoảng 10 mét thì bị vấp ngã. Lúc này N đuổi kịp và xông đến dùng tay túm tóc và đánh nhiều cái vào người, đầu bà L, vừa đánh N vừa hô hào thêm một số người phụ nữ đến cùng N đánh bà L gây thương tích. Được mọi người can ngăn nên N quay về chợ bán hàng, còn bà L đi báo ban quản lý chợ và công an xã E.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 1194/PY-TgT ngày 17/10/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận: Phan Thị Thùy L bị đa chấn thương phần mềm, tỷ lệ thương tích 5%, vật tác động: Cứng, tày.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 04/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Trị giá của số rau, nắm, quả là 2.105.000 đồng, 01 cái cân 112.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: Công an xã E đã thu giữ 01 mặt đá do bà L giao nộp. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã trả lại cho bà L.

Cáo trạng số 39/KSĐT-HS ngày 21/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Thị N tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, lời khai của bị cáo N không thống nhất và có mâu thuẫn với nhau. Ban đầu N khai nhận khoảng 5 giờ sáng ngày 26/8/2018,

khi N đang dọn hàng để bán trong lòng chợ xã E thì bà L đến quầy của N, dùng điện thoại di động vừa quay vào hàng của N vừa nói “Tao đi kiện mày”. N tiến sát lại phía bà L, mục đích để hỏi lý do vì sao kiện N, bà L không trả lời mà dùng tay nắm 01 cái vào vùng ngực của N, N tiến lại gần bà L, bà L đi thụt lùi đến quầy của bà H, dùng bình hoa, đòn gánh đánh N nhưng được bà H, bà N, bà P can ngăn. Sau đó bà L không đi thụt lùi mà quay lại đuổi đánh N, N bỏ chạy đến quầy bán thịt của bà S thì bị vấp té, bà L đuổi theo kịp, nhưng không nắm đề lên người N mà tiếp tục đánh N nhưng được mọi người can ngăn nên bà L bỏ đi, N quay về bán hàng. N xác định bị trầy xước vùng cổ tay nhưng không xác định do ai gây ra.

Sau đó N lại khai nhận có cùng một số người cầm rau, quả, nắm của bà L vút ra xung quanh. Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố và Tòa án xét xử bị cáo tội “Cố ý gây thương tích là đúng. Tuy nhiên sau đó bị cáo Nghĩa lại khai do nghe không rõ câu hỏi của HĐXX nên trả lời không đúng sự thật, thương tích của bà L do ai gây ra thì N hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng bà Đỗ Thị Q xác nhận có nhìn thấy N cùng một số người khác vút rau, nắm của bà L. Sau đó có nhìn thấy N rượt đuổi bà L, bà L bị vấp té, Nghĩa nắm đề lên người bà L, dùng tay, chân đánh, đá nhiều cái vào người bà L và hô hào một số đối tượng khác đánh bà L. Sau đó được mọi người can ngăn nên N dừng lại còn bà L đi trình báo công an xã.

Lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị N, là chị gái của bị cáo xác định có nhìn thấy bà L dùng điện thoại quay bị cáo, có nhìn thấy bà L dùng bình bông và đòn gánh đánh bị cáo nhưng được mọi người can ngăn nên chưa đánh được. Bà Nguyễn Thị Hương G khai có nhìn thấy bà L dơ điện thoại lên nhưng không xác định có quay phim bị cáo không, có nhìn thấy bà L đuổi bị cáo. Khi chạy đến quầy thịt thì bị cáo té ngã đề lên bà L và hai bên giằng co xô xát qua lại. Bà Bạch Thị H xác định có nhìn thấy bà L cầm điện thoại quay bị cáo, nhưng không thấy rõ ai đánh ai. Bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị B và bà Lê Thị A không chứng kiến sự việc nên không biết ai gây thương tích cho ai.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Thị N về hành vi dùng tay, chân đánh bị hại, gây thương tích làm bị hại tổn hại 5% sức khỏe, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS tuyên phạt bị cáo N từ 06 đến 9 tháng tù giam.

Về xử lý vật chứng: Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã trả lại cho bà L 01 mặt đá.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; Điều 590 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho bà L toàn bộ chi phí điều trị và các chi phí hợp lý khác theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát, hành vi của bị cáo Nghĩa không có tính chất côn đồ, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Năng giải quyết vụ án không vô tư, khách quan, không làm rõ lời khai của các người làm chứng nên không đủ căn cứ buộc tội bà Nguyễn Thị N. Đồng thời quá trình thực nghiệm hiện trường vi phạm

khoản 3 Điều 204 BLTTHS 2015. Đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ mâu thuẫn của lời khai của những người làm chứng và thực nghiệm hiện trường đúng quy định.

Đại diện VKSND huyện Krông Năng giữ nguyên quan điểm của mình về việc áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS là đúng người, đúng tội. Lời bào chữa của luật sư không có cơ sở. Căn cứ lời khai của bị hại, của người làm chứng và thương tích của bị hại đã đủ cơ sở khẳng định chỉ vì nguyên nhân nhỏ nhặt nhưng bị cáo gây thương tích cho bị hại là mang tính chất côn đồ. Đề nghị HĐXX tuyên bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” và xử phạt bị cáo theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của bị cáo, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay cho rằng bị cáo không gây thương tích cho bà Phan Thị Thùy L, thấy rằng: Theo lời khai của bị hại, của các nhân chứng bà Phạm Thị V, bà Đỗ Thị Q và bà Lê Thị V phù hợp với hồ sơ bệnh án, kết luận giám định pháp y và phù hợp các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định: Mặc dù giữa bị cáo N và bà L không hề có mâu thuẫn gì với nhau, nhưng khoảng 05 giờ ngày 26/8/2018, khi bà Phan Thị Thùy L đem nắm và một số loại rau quả đến chợ xã E, huyện K để bán thì N và một số người khác đến vứt nắm, rau, quả không cho bà L bán. Sau đó bà L đến hỏi N lý do tại sao thì bị N dùng tay, chân đánh, đá gây thương tích 5%. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N là phạm tội “cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS.

Điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
i) *Có tính chất côn đồ*

.....”

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến đến sức khỏe của bà Linh một cách trái pháp luật mà còn xâm phạm đến trật tự trị an trong xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được sức khỏe của người khác là vốn quý được pháp luật ưu tiên bảo vệ. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác mà bị cáo đã dùng tay, chân đánh, đá gây thương tích cho bà L 5%. Cho nên đối với bị cáo cần

thiết phải áp dụng mức hình phạt phù hợp, mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước. Xét thấy xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi làm cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[5] Đối với các đối tượng khác cùng với bị cáo N tham gia đánh bà L gây thương tích 5%. Tuy nhiên bà L không yêu cầu xử lý hình sự đối với các đối tượng này nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Krông Năng không xem xét xử lý hình sự các đối tượng trên là đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với tài sản bao gồm rau, nấm, dưa chuột, 01 cái cân và 01 sợi dây chuyền vàng mà bà L khai bị N và một số đối tượng hủy hoại. Tổng giá trị tài sản định giá theo lời khai của bà L là 5.865.000 đồng. Tuy nhiên khi Ban quản lý chợ xã E lập biên bản thì không tiến hành cân, đếm thực tế tài sản mà ghi nhận theo lời khai của bị hại. Quá trình điều tra không thu giữ được các tài sản trên nên chưa có căn cứ xác định giá trị tài sản của bà L bị hư hỏng. Đối với 01 cái cân và 01 sợi dây chuyền của bà L, quá trình điều tra chưa có căn cứ xác định ai chiếm đoạt nên cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đã tách những nội dung này để điều tra, xử lý sau là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7] Đối với quan điểm của đại diện VKS nhân dân huyện Krông Năng về tội danh, về hình phạt đối với bị cáo và xử lý vật chứng của vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Đối với quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo, HĐXX thấy rằng không có căn cứ nên không chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Khoản 1 Điều 42 BLHS quy định: Người phạm tội phải bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra. Điều 590 Bộ luật dân sự quy định: Thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại bao gồm: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất của nạn nhân và người nhà nạn nhân trong những ngày không lao động được và các chi phí hợp lý khác. Trong quá trình điều tra, truy tố và đơn yêu cầu bồi thường, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 39.850.000 đồng, bao gồm các khoản:

- Tiền thuốc + chi phí chụp X-Quang, siêu âm, viện phí: 2.000.000 đồng;
- Tiền xe cấp cứu 02 chuyến: 600.000 đồng;
- Tiền thu nhập thực tế bị mất (05 ngày x 300.000 đồng) = 1.500.000 đồng;
- Tiền tổn thất tinh thần: 25 lần mức lương cơ sở: 34.750.000 đồng.
- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại là chính đáng, do đó HĐXX sẽ xem xét mức độ thương tích của bị hại và các quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự để tính mức bồi thường, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại. Cụ thể:

Tiền thuốc + viện phí: 106.674 đồng (có hóa đơn); tiền thuê xe (02 chuyến) 1.200.000 đồng (không có hóa đơn), thương tích của bị hại không cần người chăm sóc, do đó thu nhập thực tế bị mất trong những ngày không lao động được (03 ngày $\times$ 200.000 đồng/đồng) = 600.000 đồng; tiền phục hồi sức khỏe 1.000.000 đồng, tiền tổn thất về tinh thần 4.200.000 đồng (tương đương 03 tháng lương tối thiểu). Tổng cộng: 7.106.674 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng: Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã trả lại cho bà L 01 mặt đá là phù hợp nên cần chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N về cho UBND xã E, huyện K, tỉnh Đ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo vì xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi con nhỏ.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; Điều 590 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Thị N bồi thường cho bà Phan Thị Thùy L toàn bộ chi phí điều trị vết thương và các chi phí hợp lý khác là 7.106.674 đồng.

Áp dụng Điều 357, Điều 468 BLDS để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã trả lại cho chị L 01 mặt đá là người quản lý tài sản hợp pháp.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135 bộ luật TTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 355.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPCQ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang

